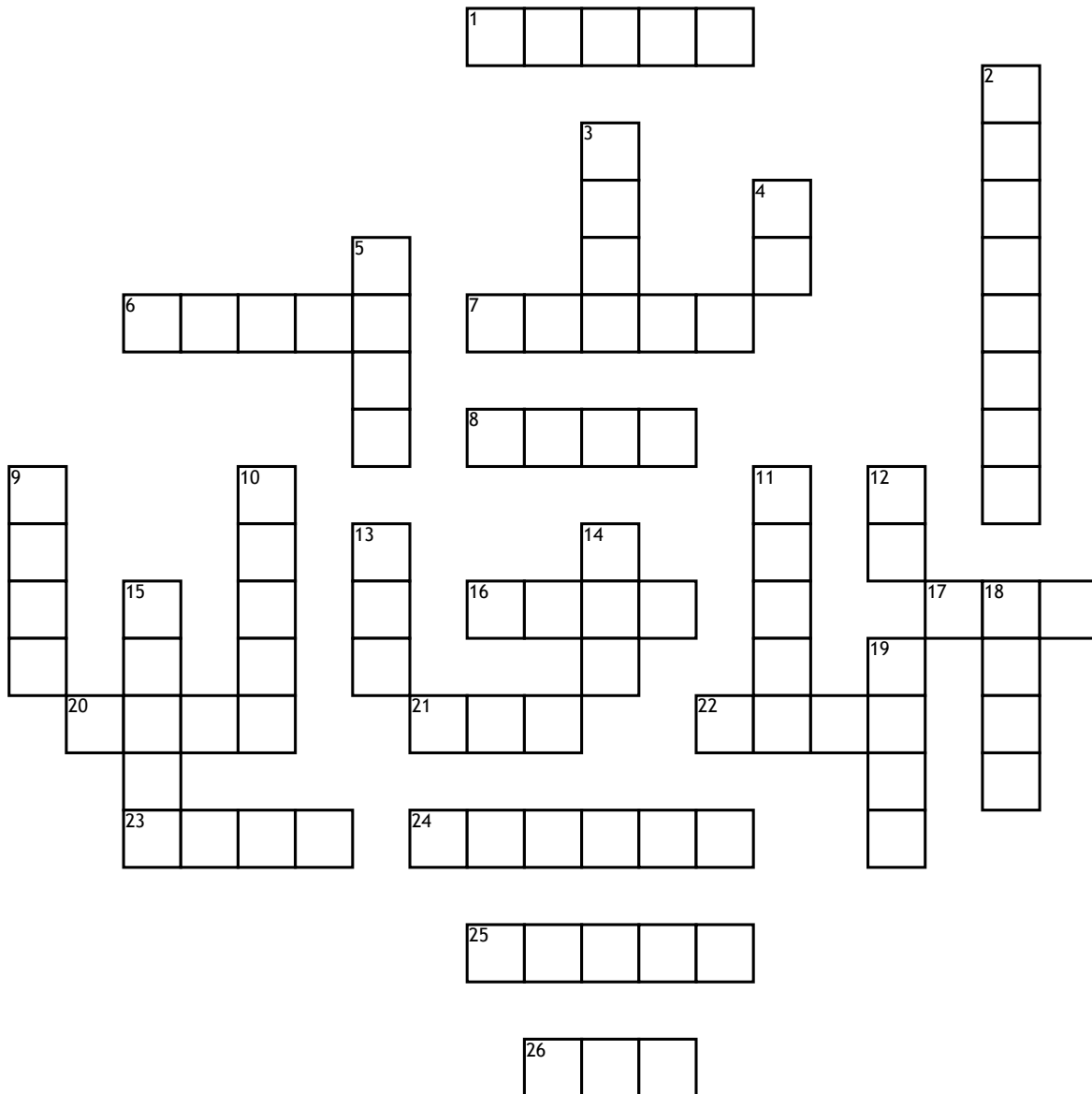


Bài 10



Across

1. leo núi, dã ngoại (n)
 6. chúng tôi, chúng ta (n)
 7. khác, sai (v)
 8. chân váy (n)
 16. buồn (a)
 17. kimono mặc mùa hè (n)
 20. mang [giày] (v)
 21. mắt kính (n)

22. đồng phục (n)
 23. sống (v)
 24. tình nguyện (n)
 25. cười (v)
 26. điệu múa (n)

Down

2. giới thiệu (v)
 3. vui (a)
 4. khi (n)
 5. mang, cầm (v)

9. hầu như (adv)
 10. nhảy múa (v)
 11. thân thiết (a)
 12. năm (n)
 13. trẻ con (n)
 14. chỗ (n)
 15. vỗ tay (v)
 18. đeo (v)
 19. nhiều (a)